BỘ Y TẾ
VIỆN HUYẾT HỌC – TRUYỀN MÁU TW

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 02 tháng 11 năm 2026

THƯ MỜI CHÀO GIÁ

Kính gửi: Quý đơn vị

Viện Huyết học - Truyền máu Trung ương có kế hoạch lựa chọn đơn vị thực hiện gói thầu "Thẩm định giá tài sản công thanh lý năm 2026", cụ thể:

1. Mục đích nhận báo giá: làm căn cứ lựa chọn nhà thầu theo hình thức chỉ định thầu
2. Thời gian nhận thư chào giá: trước 16h00 ngày 09 tháng 11 năm 2026.
3. Hiệu lực của báo giá: 6 tháng kể từ ngày 09 tháng 11 năm 2026
4. Mô tả chi tiết nội dung công việc

TT	Nội dung	Mô tả công việc
1	**Thẩm định giá tài sản công thanh lý**	**1. Mục đích** - Khảo sát chi phí dịch vụ, làm căn cứ lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ theo quy định; - Kết quả thẩm định giá là một trong các căn cứ để người có thẩm quyền xem xét quyết định giá khởi điểm hoặc giá bán theo phương thức xử lý tài sản được phê duyệt. **2. Phạm vi công việc** - Tiếp nhận, rà soát hồ sơ tài sản do Viện cung cấp; - Khảo sát trực tiếp hiện trạng, phân loại tài sản theo tình trạng và khả năng sử dụng, thu hồi; thu thập và phân tích thông tin thị trường; lựa chọn phương pháp thẩm định giá phù hợp; lập Báo cáo thẩm định giá và Chứng thư thẩm định giá kèm bảng giá trị chi tiết theo từng tài sản hoặc nhóm tài sản được thống nhất trong hợp đồng. - Nêu rõ giả định, hạn chế và cơ sở xác định giá đối với tài sản hư hỏng, chỉ còn giá trị vật liệu thu hồi. - Địa điểm khảo sát và hiện trạng tài sản: Viện Huyết học – Truyền máu Trung ương, số 5 Phố Phạm Văn Bạch, Phường Cầu Giấy, Hà Nội. - Danh mục, số lượng: Xin xem bản phụ lục đính kèm **3. Yêu cầu đối với đơn vị thẩm định giá** - Có Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá còn hiệu lực;

TT	Nội dung	Mô tả công việc
		- Có thẩm định viên đủ điều kiện hành nghề và chuyên môn phù hợp; không thuộc trường hợp không được thực hiện thẩm định giá hoặc có xung đột lợi ích theo quy định. - Ưu tiên kinh nghiệm thẩm định tài sản công, máy móc thiết bị đã qua sử dụng, thiết bị y tế hoặc CNTT; - Doanh nghiệp chịu trách nhiệm độc lập, khách quan về kết quả thẩm định giá; bảo mật thông tin theo quy định pháp luật, trừ trường hợp phải cung cấp theo yêu cầu hợp pháp của cơ quan có thẩm quyền. **4. Hồ sơ gửi kèm báo giá** - Báo giá có ký xác nhận, ghi rõ giá trọn gói đã bao gồm thuế, chi phí khảo sát, đi lại, lập và phát hành chứng thư; thời gian hoàn thành; - Thông tin giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá, danh sách thẩm định viên dự kiến thực hiện; hồ sơ năng lực và một số hợp đồng tương tự (nếu có). **5. Thời hạn, địa điểm nhận báo giá** - Thời hạn: trước ngày 09../..11/2026. - Hình thức nhận: Qua hệ thống mạng đấu thầu quốc gia **6. Nguyên tắc xem xét** - Viện xem xét đồng thời điều kiện hành nghề, tính độc lập, phương án khảo sát và thẩm định, kinh nghiệm phù hợp, thời gian thực hiện và chi phí dịch vụ hợp lý để lựa chọn đơn vị thực hiện.

Báo giá đã bao gồm các loại thuế, phí lệ phí theo quy định của nhà nước. Giá phải bảo đảm nguyên tắc bù đắp chi phí thực tế hợp lý để thực hiện đầy đủ các hoạt động theo phạm vi công việc được quy định tại Chuẩn mực thẩm định giá Việt Nam.

Đơn vị chào giá gửi kèm bản sao giấy phép đăng ký kinh doanh có đóng dấu của Quý Công ty.

KT.VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

VIỆN HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU TRUNG ƯƠNG

Lê Lâm

VIỆN HUYẾT HỌC - TRUYỀN MÁU TW

PHÒNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

BẢNG KÊ TÁI SẢN CÔNG ĐỀ NGHỊ THANH LÝ NĂM 2026

(Kèm theo thư mời ngày tháng năm 2026)

STT	TÀI SẢN	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Ngày, tháng, năm sử dụng	Nguyên giá tài sản
1	Máy tính xách tay Ssus X454 LAWX422D	Việt Nam	2015	31/12/2016	12,100,000
2	Máy tính xách tay Asus X454LA	Việt Nam	2015	31/12/2016	12,100,000
3	Máy đọc vân tay	Việt Nam		31/12/2016	14,800,000
4	SWITCH (TB chuyển mạch) SMC	Việt Nam	2009	31/12/2016	6,825,000
5	Máy chủ ad	Việt Nam	2007	31/12/2016	70,547,400
6	Máy chủ HP	Việt Nam	2004	31/12/2016	78,069,350
7	Máy chủ exchangeserer	Việt Nam	2007	31/12/2016	85,438,500
8	Đầu đọc mã vạch	Việt Nam	2008	31/12/2016	4,231,500
9	Đầu đọc mã vạch	Việt Nam	2008	31/12/2016	4,231,500
10	Đầu đọc mã vạch	Việt Nam	2008	31/12/2016	4,231,500
11	Đầu đọc mã vạch	Việt Nam	2008	31/12/2016	4,231,500
12	Đầu đọc mã vạch	Việt Nam	2008	31/12/2016	4,231,500
13	Máy ảnh kỹ thuật số	Việt Nam	2007	31/12/2016	20,400,000
14	Đầu ghi hình K5- P1600	Việt Nam	2014	31/12/2016	17,077,500
15	Đầu ghi hình K5- P1600	Việt Nam	2014	31/12/2016	17,077,500
16	Đầu ghi hình K5- P1600	Việt Nam	2014	31/12/2016	17,077,500
17	Máy in thẻ Fargo DTC400	Việt Nam	2008	31/12/2016	45,532,608
18	Máy tính xách tay Asus X454LA	Việt Nam	2015	31/12/2016	12,100,000
19	Máy chủ IBM	Việt Nam	2014	31/12/2016	91,300,000
20	Máy tính xách tay ASus F 554 LA	Việt Nam	2016	31/12/2016	11,550,000
21	Máy tính xách tay ASus F 554 LA	Việt Nam	2016	31/12/2016	11,550,000
22	Máy tính xách tay ASus F 554 LA	Việt Nam	2016	31/12/2016	11,550,000
23	Máy in HPM 401	Việt Nam	2014	31/12/2016	9,900,000
24	Máy in HP Laser Jet Pro 400	Việt Nam	2015	31/12/2016	8,800,000
25	Máy tính xách tay Asus X454LA	Việt Nam	2015	31/12/2016	12,100,000
26	Máy tính xách tay Asus X454LA	Việt Nam	2015	31/12/2016	12,100,000
27	Máy tính xách tay Asus X454LA	Việt Nam	2015	31/12/2016	12,100,000
28	Máy in Laser HP - M401D	Việt Nam	2016	31/12/2016	8,800,000

STT	TÀI SẢN	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Ngày, tháng, năm sử dụng	Nguyên giá tài sản
29	Máy in Lasr HP M401D	Việt Nam	2015	31/12/2016	8,800,000
30	Máy in Laser HP - M401D	Việt Nam	2016	31/12/2016	8,800,000
31	Máy in Lasr HP M401D	Việt Nam	2015	31/12/2016	8,800,000
32	Máy in Laser HP - M401D	Việt Nam	2016	31/12/2016	8,800,000
33	Máy in đa chức năng Canon MF241D	Việt Nam	2017	09/10/2017	4,950,000
34	Máy in Laser Cannon 6670DN	Việt Nam	2016	31/12/2016	8,690,000
35	Máy in laser HP - M 401D	Việt Nam	2015	31/12/2016	9,900,000
36	Máy in Lasr HP M401D	Việt Nam	2015	31/12/2016	8,800,000
37	Máy in Laser HP- M401D	Việt Nam	2014	31/12/2016	9,900,000
38	Máy in Laser HP- M401D	Việt Nam	2014	31/12/2016	9,900,000
39	Máy in Laser Cannon 252 DW	Việt Nam	2016	31/12/2016	7,690,000
40	Máy in Laser HP - M401D	Việt Nam	2016	31/12/2016	8,800,000
41	Máy In Canno LBP 252	Việt Nam	2017	08/03/2017	7,690,000
42	Máy quay kỹ thuật số	Việt Nam	2009	31/12/2016	21,028,077
43	Máy tính để bàn IBM	Việt Nam	2005	31/12/2016	236,235,438
44	Máy đọc mã vạch	Việt Nam	2009	31/12/2016	2,047,500
45	Máy đọc mã vạch	Việt Nam	2009	31/12/2016	2,047,500
46	Máy đọc mã vạch	Việt Nam	2009	31/12/2016	2,047,500
47	Máy đọc mã vạch	Việt Nam	2009	31/12/2016	2,047,500
48	Máy đọc mã vạch	Việt Nam	2009	31/12/2016	2,047,500
49	Máy đọc mã vạch	Việt Nam	2009	31/12/2016	2,047,500
50	Máy đọc mã vạch	Việt Nam	2009	31/12/2016	2,047,500
51	Máy đọc mã vạch	Việt Nam	2009	31/12/2016	2,047,500
52	Máy đọc mã vạch	Việt Nam	2009	31/12/2016	2,047,500
53	Máy đọc mã vạch	Việt Nam	2009	31/12/2016	2,047,500
54	Màn hình máy tính HP	Việt Nam	2010	31/12/2016	3,240,000
55	Màn hình máy tính HP	Việt Nam	2010	31/12/2016	3,240,000
56	Máy chủ exchangeserer	Việt Nam	2007	31/12/2016	85,438,500
57	Máy in HP 11401	Việt Nam	2014	31/12/2016	10,500,000
58	Máy in HP M401D	Việt Nam	2013	31/12/2016	9,500,000
59	Máy in HP laserjet Pro 400	Việt Nam	2013	31/12/2016	9,900,000
60	Máy in HP laserjet Pro 400	Việt Nam	2013	31/12/2016	9,900,000
61	Máy in HP laserjet Pro 400	Việt Nam	2013	31/12/2016	9,900,000
62	Đầu đọc mã vạch	Việt Nam	2008	31/12/2016	4,231,500
63	Đầu đọc mã vạch	Việt Nam	2008	31/12/2016	4,231,500

STT	TÀI SẢN	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Ngày, tháng, năm sử dụng	Nguyên giá tài sản
64	Máy in Laser Cannon 251 DW	Việt Nam	2017	29/08/2017	6,790,000
65	Máy in Laser Cannon 251 DW	Việt Nam	2017	29/08/2017	6,790,000
66	Máy In Canno LBP 252	Việt Nam	2017	08/03/2017	7,690,000
67	Máy In Canno LBP 252	Việt Nam	2017	08/03/2017	7,690,000
68	Máy in Laser Cannon 252 DW	Việt Nam	2016	31/12/2016	7,690,000
69	Máy in Laser Cannon 6670DN	Việt Nam	2016	31/12/2016	8,690,000
70	Máy in Hp M4001D	Việt Nam	2015	31/12/2016	8,800,000
71	Máy in Hp M4001D	Việt Nam	2015	31/12/2016	8,800,000
72	Máy in Hp M4001D	Việt Nam	2015	31/12/2016	8,800,000
73	Máy in Hp M4001D	Việt Nam	2015	31/12/2016	8,800,000
74	Máy tính xách tay Ssus X454 LAWX422D	Việt Nam	2015	31/12/2016	12,100,000
75	Máy tính xách tay Asus X454LA	Việt Nam	2015	31/12/2016	12,100,000
76	Máy tính để bàn Acer Veriton	Việt Nam	2019	28/02/2019	12,800,000
130	Máy tính ĐNA	Việt Nam	2006	31/12/2016	7,607,250
131	Máy tính ĐNA	Việt Nam	2006	31/12/2016	7,607,250
132	Máy in Laser Cannon 6670DN	Việt Nam	2016	31/12/2016	8,690,000
133	Máy in laser HP - M 401D	Việt Nam	2015	31/12/2016	9,900,000
134	Bộ máy tính để bàn	Việt Nam	2014	31/12/2016	12,100,000
135	Máy tính HP	Việt Nam	2010	31/12/2016	16,500,000
136	Bộ máy tính	Việt Nam	2014	31/12/2016	12,100,000
137	Máy in HP 2035	Việt Nam	2009	31/12/2016	6,982,500
139	Máy tính ttl	Việt Nam	2007	31/12/2016	3,211,560
140	Máy in LQ300	Việt Nam	2008	31/12/2016	3,720,548
141	Máy tính HPDX 2710MT	Việt Nam	2008	31/12/2016	13,844,120
142	Máy in LQ302	Việt Nam	2008	31/12/2016	364,453
143	Máy in LQ300	Việt Nam	2008	31/12/2016	364,454
144	Máy tính HP Compaq500B	Việt Nam	2010	31/12/2016	11,440,000
145	Máy tính HP Compaq500B	Việt Nam	2010	31/12/2016	11,440,000
146	Máy tính HP Compaq500B	Việt Nam	2010	31/12/2016	11,440,000
147	Máy tính HP Compaq500B	Việt Nam	2010	31/12/2016	11,440,000
148	Bộ máy tính	Việt Nam	2014	31/12/2016	12,100,000
149	Bộ máy tính	Việt Nam	2014	31/12/2016	12,100,000
150	Máy in Cannon 2900	Việt Nam	2015	31/12/2016	3,850,000
151	Máy in HP 2035	Việt Nam		31/12/2016	4,290,000
152	Nhập cây máy tính	Việt Nam		31/12/2016	8,000,000
153	Máy in HP 2035	Việt Nam		31/12/2016	8,118,000

STT	TÀI SẢN	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Ngày, tháng, năm sử dụng	Nguyên giá tài sản
154	Máy In Canno LBP 252	Việt Nam	2017	08/03/2017	7,690,000
155	Máy in Laser HP - M401D	Việt Nam	2016	31/12/2016	8,800,000
156	Máy in laser HP - M 401D	Việt Nam	2015	31/12/2016	9,900,000
157	Máy in laser HP - M 401D	Việt Nam	2015	31/12/2016	9,900,000
158	Máy in laser HP - M 401D	Việt Nam	2015	31/12/2016	9,900,000
159	Máy tính ĐNA	Việt Nam	2003	31/12/2016	11,160,012
160	Máy tính ĐNA	Việt Nam	2003	31/12/2016	11,160,012
161	Máy tính ĐNA	Việt Nam	2003	31/12/2016	11,160,012
162	Bộ máy tính để bàn	Việt Nam	2014	31/12/2016	12,100,000
163	Máy tính xách tay Acer Aspire	Việt Nam	2016	31/12/2016	8,580,000
164	Máy tính FPT	Việt Nam	2009	31/12/2016	8,505,000
168	Máy tính DeLL	Việt Nam	2009	31/12/2016	18,000,000
169	Cây máy tính	Việt Nam	2009	31/12/2016	5,650,000
170	Máy tính FPT	Việt Nam	2009	31/12/2016	8,505,000
171	Bộ máy tính	Việt Nam	2014	31/12/2016	12,100,000
172	Máy tính HP Pro 3000PC	Việt Nam	2010	31/12/2016	13,310,000
173	Máy tính để bàn Dell	Việt Nam	2013	31/12/2016	13,310,000
174	Máy tính xách tay Dell	Việt Nam	2014	31/12/2016	16,500,000
175	Máy tính HP	Việt Nam	2010	31/12/2016	16,500,000
176	Máy tính HP	Việt Nam	2010	31/12/2016	16,500,000
177	Máy tính xách tay Dell	Việt Nam	2012	31/12/2016	18,150,000
178	Máy in HP 2300	Việt Nam	2003	31/12/2016	12,733,951
179	Máy tính xách tay	Việt Nam	2009	31/12/2016	21,420,000
180	Máy tính xách tay	Việt Nam	2009	31/12/2016	26,867,400
181	Máy inlaze2015	Việt Nam	2007	31/12/2016	6,987,751
182	Máy tính HPDX 2710MT	Việt Nam	2007	31/12/2016	13,844,120
183	Máy tính ĐNA	Việt Nam	2008	31/12/2016	4,500,000
184	Máy tính ĐNA	Việt Nam	2008	31/12/2016	4,500,000
185	Máy tính ĐNA	Việt Nam	2006	31/12/2016	7,607,250
186	Máy in HP 2035	Việt Nam		31/12/2016	4,290,000
187	Máy in Laser Cannon 6670DN	Việt Nam	2016	31/12/2016	8,690,000
188	Máy tính xách tay	Việt Nam	2009	31/12/2016	-
189	Máy tính xách tay	Việt Nam	2009	31/12/2016	21,420,000
190	Máy tính xách tay	Việt Nam	2009	31/12/2016	21,420,000
191	Máy tính cá nhân	Việt Nam	2009	31/12/2016	14,968,267
192	Máy tính cá nhân	Việt Nam	2009	31/12/2016	14,968,267
193	Máy tính xách tay ASus F 554 LA	Việt Nam	2016	31/12/2016	11,550,000

STT	TÀI SẢN	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Ngày, tháng, năm sử dụng	Nguyên giá tài sản
194	Máy tính xách tay ASus F 554 LA	Việt Nam	2016	31/12/2016	11,550,000
195	Máy tính xách tay Asus X454LA	Việt Nam	2015	31/12/2016	12,100,000
196	Máy tính xách tay Asus X454LA	Việt Nam	2015	31/12/2016	12,100,000
197	Máy tính xách tay ASus F 554 LA	Việt Nam	2016	31/12/2016	11,550,000
198	Máy tính cá nhân	Việt Nam	2009	31/12/2016	13,965,000
199	Máy tính cá nhân	Việt Nam	2009	31/12/2016	13,965,000
200	Máy tính cá nhân	Việt Nam	2009	31/12/2016	13,965,000
201	Máy tính cá nhân	Việt Nam	2009	31/12/2016	14,968,267
202	Máy tính cá nhân	Việt Nam	2009	31/12/2016	14,968,267
203	Máy tính cá nhân	Việt Nam	2009	31/12/2016	14,968,267
204	Máy in HPM 401	Việt Nam	2014	31/12/2016	9,900,000
205	Máy tính để bàn HP	Việt Nam	2010	31/12/2016	10,120,000
209	Máy tính HPDX 2710MT	Việt Nam	2008	31/12/2016	13,844,120
210	Máy in HP 2035	Việt Nam	2010	31/12/2016	8,298,000
211	Bộ máy tính	Việt Nam	2014	31/12/2016	12,100,000
212	Bộ máy tính	Việt Nam	2014	31/12/2016	12,100,000
213	Bộ máy tính	Việt Nam	2014	31/12/2016	12,100,000
214	Bộ máy tính	Việt Nam	2014	31/12/2016	12,100,000
215	Bộ máy tính	Việt Nam	2014	31/12/2016	12,100,000
216	Máy tính ĐNA	Việt Nam	2007	31/12/2016	6,391,800
217	Cây máy tính HP	Việt Nam	2010	31/12/2016	12,468,500
218	Bộ máy tính	Việt Nam	2012	31/12/2016	12,000,000
219	Bộ máy tính	Việt Nam	2012	31/12/2016	12,000,000
221	Máy in HP 2035	Việt Nam	2010	31/12/2016	8,298,000
222	Máy in HP 2035	Việt Nam	2010	31/12/2016	8,400,000
223	Bộ máy tính để bàn	Việt Nam	2014	31/12/2016	12,100,000
224	Bộ máy tính để bàn	Việt Nam	2014	31/12/2016	12,100,000
225	Máy in Lasr HP M401D	Việt Nam	2015	31/12/2016	8,800,000
226	Máy in HP 2035	Việt Nam		31/12/2016	6,545,000
227	Máy in HP 2035	Việt Nam		31/12/2016	6,545,000
228	Máy inlaze2015	Việt Nam	2007	31/12/2016	6,987,751

STT	TÀI SẢN	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Ngày, tháng, năm sử dụng	Nguyên giá tài sản
229	Máy in HP 2035	Việt Nam	2010	31/12/2016	8,228,000
230	Máy in Lasr HP M401D	Việt Nam	2015	31/12/2016	8,800,000
231	Máy inlaze2015	Việt Nam	2007	31/12/2016	6,987,751
232	Máy tính ĐNA	Việt Nam	2006	31/12/2016	7,607,250
233	Nhập bộ máy tính	Việt Nam	2012	31/12/2016	12,000,000
234	Máy in canon3500	Việt Nam	2008	31/12/2016	12,512,000
235	Máy tính ĐNA	Việt Nam	2007	31/12/2016	6,391,800
236	Máy tính ĐNA	Việt Nam	2007	31/12/2016	7,859,250
237	Bộ máy tính	Việt Nam		31/12/2016	10,443,250
238	Máy in Laze	Việt Nam	2007	31/12/2016	4,212,600
239	Máy tính HPDX 2710MT	Việt Nam	2008	31/12/2016	13,844,120
240	Máy tính HPDX 2710MT	Việt Nam	2008	31/12/2016	13,844,120
241	Máy tính HPDX 2710MT	Việt Nam	2008	31/12/2016	13,844,120
242	Máy tính HPDX 2710MT	Việt Nam	2008	31/12/2016	13,844,120
243	Máy tính Dell	Việt Nam	2007	31/12/2016	17,366,400
244	Máy inlaze2015	Việt Nam	2007	31/12/2016	6,987,751
245	Máy tính HPDX 2710MT	Việt Nam	2008	31/12/2016	13,844,120
246	Máy tính xách tay	Việt Nam	2009	31/12/2016	21,420,000
247	Máy in Sam sung 1710	Việt Nam	2005	31/12/2016	2,812,400
248	Máy in Sam sung 1710	Việt Nam	2005	31/12/2016	2,812,400
249	Máy tính cá nhân	Việt Nam	2009	31/12/2016	14,968,267
250	Máy tính xách tay	Việt Nam	2009	31/12/2016	25,588,000
251	Máy in HP 2035	Việt Nam		31/12/2016	6,545,000
252	Máy in HP 2035	Việt Nam		31/12/2016	6,545,000
253	Máy tính ttl	Việt Nam	2007	31/12/2016	3,211,560
255	Máy tính HP 200	Việt Nam		31/12/2016	12,012,000
256	Máy in Laser Cannon 6670DN	Việt Nam	2016	31/12/2016	8,690,000
257	Máy in Laser Cannon 6670DN	Việt Nam	2016	31/12/2016	8,690,000
258	Máy in Laser HP - M401D	Việt Nam	2016	31/12/2016	8,800,000
259	Máy in Lasr HP M401D	Việt Nam	2015	31/12/2016	8,800,000
260	Máy in laser HP - M 401D	Việt Nam	2015	31/12/2016	9,900,000

STT	TÀI SẢN	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Ngày, tháng, năm sử dụng	Nguyên giá tài sản
261	Máy in Lasr HP M401D	Việt Nam	2015	31/12/2016	8,800,000
262	Máy in Laser HP - M401D	Việt Nam	2016	31/12/2016	8,800,000
263	Máy in laser HP - M 401D	Việt Nam	2015	31/12/2016	9,900,000
264	Máy in Laser HP 2035	Việt Nam	2016	31/12/2016	5,950,000
265	Máy in Laser HP 2035	Việt Nam	2016	31/12/2016	5,950,000
266	Máy in Laser HP 2035	Việt Nam	2016	31/12/2016	5,950,000
267	Máy tính HPDX 2710MT	Việt Nam	2008	31/12/2016	13,844,120
268	Máy in Lasr HP M401D	Việt Nam	2015	31/12/2016	8,800,000
269	Máy in Laser HP - M401D	Việt Nam	2016	31/12/2016	8,800,000
270	Máy in Lasr HP M401D	Việt Nam	2015	31/12/2016	8,800,000
271	Máy in Lasr HP M401D	Việt Nam	2015	31/12/2016	8,800,000
272	Máy in laser HP - M 401D	Việt Nam	2015	31/12/2016	9,900,000
273	Máy tính HP	Việt Nam	2009	31/12/2016	9,486,000
274	Máy tính HP	Việt Nam	2009	31/12/2016	9,486,000
275	Máy tính HP	Việt Nam	2009	31/12/2016	9,486,000
276	Máy tính HP Pro 3000PC	Việt Nam	2010	31/12/2016	13,310,000
277	Máy in cannon	Việt Nam	2007	31/12/2016	2,600,000
278	Máy in Cannon	Việt Nam	2014	31/12/2016	3,300,000
279	Máy tính xách tay	Việt Nam	2009	31/12/2016	25,588,000
280	Máy tính xách tay	Việt Nam	2009	31/12/2016	25,588,000
281	Máy tính ĐNA	Việt Nam	2006	31/12/2016	7,607,250
282	Máy in Laser HP- M401D	Việt Nam	2014	31/12/2016	9,900,000
283	Máy in Laser HP- M401D	Việt Nam	2014	31/12/2016	9,900,000
284	Máy in Laser HP- M401D	Việt Nam	2014	31/12/2016	9,900,000
285	Máy tính để bàn HP	Việt Nam	2010	31/12/2016	10,120,000
286	Máy tính để bàn HP	Việt Nam	2010	31/12/2016	10,120,000
287	Máy tính để bàn HP	Việt Nam	2010	31/12/2016	10,120,000
288	Máy tính để bàn HP	Việt Nam	2010	31/12/2016	10,120,000
290	Máy tính cá nhân	Việt Nam	2009	31/12/2016	13,965,000
291	Máy tính cá nhân	Việt Nam	2009	31/12/2016	13,965,000
292	Máy tính cá nhân	Việt Nam	2009	31/12/2016	13,965,000
293	Máy tính cá nhân	Việt Nam	2009	31/12/2016	13,965,000

STT	TÀI SẢN	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Ngày, tháng, năm sử dụng	Nguyên giá tài sản
294	Máy tính cá nhân	Việt Nam	2009	31/12/2016	13,965,000
295	Máy tính FPT	Việt Nam	2009	31/12/2016	8,505,000
296	Máy tính cá nhân	Việt Nam	2009	31/12/2016	14,968,267
297	Máy tính cá nhân	Việt Nam	2009	31/12/2016	14,968,267
298	Máy fax Panasonic	Việt Nam	2010	31/12/2016	5,016,000
299	Máy tính FPT	Việt Nam	2009	31/12/2016	8,505,000
300	Máy tính FPT	Việt Nam	2009	31/12/2016	8,505,000
301	Máy tính FPT	Việt Nam	2009	31/12/2016	8,505,000
302	Máy tính FPT	Việt Nam	2009	31/12/2016	8,505,000
303	Máy tính FPT	Việt Nam	2009	31/12/2016	8,505,000
304	Máy tính cá nhân	Việt Nam	2009	31/12/2016	14,968,267
305	Máy tính cá nhân	Việt Nam	2009	31/12/2016	14,968,267
306	Máy tính FPT	Việt Nam	2009	31/12/2016	8,505,000
307	Máy tính xách tay	Việt Nam	2009	31/12/2016	26,867,400
308	Máy fax Panasonic	Việt Nam	2010	31/12/2016	5,016,000
309	Máy tính FPT	Việt Nam	2009	31/12/2016	8,505,000
315	Máy tính	Việt Nam		31/12/2016	-
318	Máy tính HPDX 2710MT	Việt Nam	2008	31/12/2016	13,844,120
319	Máy tính HPDX 2710MT	Việt Nam	2008	31/12/2016	13,844,120
320	Máy tính HPDX 2710MT	Việt Nam	2008	31/12/2016	13,844,120
321	Máy tính HPDX 2710MT	Việt Nam	2008	31/12/2016	13,844,120
322	Máy inlaze2015	Việt Nam	2007	31/12/2016	-
324	Máy tính ttl	Việt Nam	2007	31/12/2016	3,211,560
325	Máy tính đa năng	Việt Nam	2006	31/12/2016	5,225,220
326	Máy tính đa năng ISS	Việt Nam	2007	31/12/2016	9,050,000
327	Máy tính đa năng ISS	Việt Nam	2007	31/12/2016	9,050,000
328	Máy tính đa năng ISS	Việt Nam	2007	31/12/2016	9,050,000
329	Máy tính đa năng ISS	Việt Nam	2007	31/12/2016	9,050,000
330	Máy tính đa năng ISS	Việt Nam	2007	31/12/2016	9,050,000
331	Máy tính đa năng ISS	Việt Nam	2007	31/12/2016	9,050,000

STT	TÀI SẢN	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Ngày, tháng, năm sử dụng	Nguyên giá tài sản
332	Máy tính đa năng ISS	Việt Nam	2007	31/12/2016	9,050,000
333	Máy tính đa năng ISS	Việt Nam	2007	31/12/2016	9,050,000
334	Máy tính HPDX 2710MT	Việt Nam	2008	31/12/2016	13,844,120
335	Máy tính HPDX 2710MT	Việt Nam	2008	31/12/2016	13,844,120
336	Máy tính HPDX 2710MT	Việt Nam	2008	31/12/2016	13,844,120
337	Máy tính HPDX 2710MT	Việt Nam	2007	31/12/2016	13,844,120
338	Máy tính HPDX 2710MT	Việt Nam	2008	31/12/2016	13,844,120
339	Máy tính HPDX 2710MT	Việt Nam	2008	31/12/2016	13,844,120
340	Máy tính PCHP	Việt Nam	2009	31/12/2016	14,101,500
341	Máy tính PCHP	Việt Nam	2009	31/12/2016	14,101,500
342	Máy tính xách tay IBM	Việt Nam	2003	31/12/2016	28,501,833
343	Máy in LQ300	Việt Nam	2008	31/12/2016	3,720,546
344	Máy in HP	Việt Nam	2009	31/12/2016	6,982,500
345	Máy tính đa năng ISS	Việt Nam	2007	31/12/2016	9,050,000
346	Máy tính đa năng ISS	Việt Nam	2007	31/12/2016	9,050,000
347	Máy tính đa năng ISS	Việt Nam	2007	31/12/2016	9,050,000
348	Máy tính CMS	Việt Nam	2004	31/12/2016	14,968,267
349	Máy in Canon 3300	Việt Nam	2013	31/12/2016	-
350	Máy in Canon 3300	Việt Nam	2013	31/12/2016	-
351	Máy tính	Việt Nam	2002	31/12/2016	-
352	Máy in LQ301	Việt Nam	2008	31/12/2016	364,453
353	Máy tính ĐNA	Việt Nam	2006	31/12/2016	7,607,250
354	Cây máy tính HP 3130	Việt Nam	2010	31/12/2016	12,468,500
355	Máy tính HP Pro 3000PC	Việt Nam	2010	31/12/2016	13,310,000
356	Máy in Canon 2900	Việt Nam	2013	31/12/2016	2,844,000
357	Máy in Canon 2900	Việt Nam	2013	31/12/2016	3,300,000
358	Máy in Canon 2900	Việt Nam	2013	31/12/2016	3,300,000
359	Máy in Cannon 2900	Việt Nam	2014	31/12/2016	3,300,000
360	Máy in epson	Việt Nam	2012	31/12/2016	4,500,000

STT	TÀI SẢN	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Ngày, tháng, năm sử dụng	Nguyên giá tài sản
361	Máy in Epson LQ300 + II	Việt Nam	2013	31/12/2016	5,500,000
362	Máy in Epson LQ300 + II	Việt Nam	2013	31/12/2016	5,500,000
363	Máy in phun màu Epson L300	Việt Nam	2014	31/12/2016	5,555,000
364	Máy in phun màu Epson L300	Việt Nam	2014	31/12/2016	5,555,000
365	Máy in HP 2055	Việt Nam	2012	31/12/2016	9,900,000
366	Máy in HP 2055	Việt Nam	2012	31/12/2016	9,900,000
367	Máy in HP 2055	Việt Nam	2012	31/12/2016	9,900,000
368	Máy in HP 2055	Việt Nam	2012	31/12/2016	9,900,000
369	Máy in HP 2055	Việt Nam	2012	31/12/2016	9,900,000
370	Máy in HP Laserjt Pro	Việt Nam	2013	31/12/2016	9,900,000
371	Máy in HP Laserjt Pro	Việt Nam	2013	31/12/2016	9,900,000
372	Máy in HP Pro	Việt Nam	2013	31/12/2016	9,900,000
373	Máy in HP Pro	Việt Nam	2013	31/12/2016	9,900,000
374	Máy in HP Pro	Việt Nam	2013	31/12/2016	9,900,000
375	Máy tính xách tay Dell Vostro 3460	Việt Nam	2013	31/12/2016	13,750,000
380	Máy in HP2055	Việt Nam	2004	31/12/2016	-
383	Cây máy tính	Việt Nam	2009	31/12/2016	6,995,000
384	Cây máy tính	Việt Nam	2009	31/12/2016	6,995,000
385	Cây máy tính	Việt Nam	2009	31/12/2016	6,995,000
386	Cây máy tính	Việt Nam	2009	31/12/2016	6,995,000
404	Máy tính HP 200	Việt Nam		31/12/2016	12,012,000
405	Máy tính ĐNA	Việt Nam	2006	31/12/2016	7,607,250
406	Cây máy tính HP500B	Việt Nam	2010	31/12/2016	7,700,000
407	Máy tính HP 200	Việt Nam		31/12/2016	12,012,000
408	Bộ máy tính	Việt Nam	2012	31/12/2016	12,000,000
410	Máy in tốc độ cao	Việt Nam	2009	31/12/2016	11,783,100
	Tổng cộng				**3,707,414,818**

VIỆN HUYẾT HỌC - TRUYỀN MÁU TW

PHÒNG VẬT TƯ - THIẾT BỊ Y TẾ

BẢNG KÊ TÁI SẢN CÔNG ĐỀ NGHỊ THANH LÝ NĂM 2026

(Kèm theo thư mời ngày tháng năm 2026)

STT	TÀI SẢN	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Ngày, tháng, năm sử dụng	Nguyên giá tài sản
1	Âm ly SDC	Việt Nam	2008	31/12/2016	4,191,000
2	Bamyri lạnh	Việt Nam	2007	31/12/2016	91,000,000
3	Bàn sấy tiêu bản	Việt Nam	2008	31/12/2016	41,600,000
4	Bể điện di ngang	Việt Nam	2007	31/12/2016	16,721,000
5	Bể điện di	Việt Nam	2009	31/12/2016	17,800,000
6	Bình cách thuỷ memmert	Việt Nam	2005	31/12/2016	21,787,500
7	Bộ điện di protein loại nhỏ và nguồn	Việt Nam	2007	31/12/2016	30,622,000
8	Bơm tiêm điện	Nhật Bản (JAPAN)	2004	31/12/2016	19,696,250
9	Điện giải đồ	Việt Nam	2005	31/12/2016	120,000,000
10	Điều hòa Sumikura	Việt Nam	2014	31/12/2016	8,500,000
11	Điều hòa Sumikura 24000	Việt Nam	2014	31/12/2016	17,050,000
12	Điều hòa Sumikura 24000	Việt Nam	2014	31/12/2016	17,050,000
13	Điều hòa Sumikura 24000	Việt Nam	2014	31/12/2016	17,050,000
14	Điều hòa Sumikura 24000	Việt Nam	2014	31/12/2016	17,050,000
15	Kính hiển vi quang học	Hoa Kỳ (UNITED STATES)	2008	31/12/2016	14,755,000
16	Kính hiển vi quang học 2 mắt	Nhật Bản (JAPAN)	2008	31/12/2016	23,850,000
17	Kính hiển vi quang học 2 mắt	Trung Quốc (CHINA)	2008	31/12/2016	23,850,000
18	Kính hiển vi quang học 2 mắt	Việt Nam	2008	31/12/2016	23,850,000
19	Máy điện tim 6 cần	Nhật Bản (JAPAN)			89,800,000
20	Máy định nhóm máu tự động	Việt Nam	2009	31/12/2016	3,377,677,029
21	Máy đo nồng độ bão hòa oxy trong máu	Mê-xi-cô (MEXICO)			60,000,000
22	Máy hàn dây túi máu	Việt Nam	2010		52,250,000
23	Máy hàn dây túi máu 1đầu hàn	Việt Nam	2009		52,053,604
24	Máy hàn dây túi máu 1đầu hàn	Việt Nam	2009		52,053,604
25	Máy hàn dây túi máu 1đầu hàn	Việt Nam	2009	31/12/2016	52,053,604
26	Máy lắc tròn	Trung Quốc (CHINA)	2015	31/12/2016	7,900,000
27	Máy lắc trộn xét nghiệm	Việt Nam	2008	31/12/2016	53,325,000
28	Máy lắc trộn xét nghiệm	Việt Nam	2008	31/12/2016	53,325,000
29	Máy lắc Votex	Việt Nam	2013	31/12/2016	13,260,000
30	Máy li tâm 01	Việt Nam	2008	31/12/2016	46,675,000
31	Máy li tâm 01	Việt Nam	2008	31/12/2016	46,675,000
32	Máy li tâm thường 1.5ml	Việt Nam	2009	31/12/2016	36,212,106
33	Máy li tâm thường 1.5ml	Việt Nam	2009	31/12/2016	36,212,106

34	Máy lọc không khí	Việt Nam	2007	31/12/2016	6,273,845
35	Máy lọc không khí	Việt Nam	2007	31/12/2016	6,273,845
36	Máy lọc không khí FunikinAir200	Việt Nam	2010	31/12/2016	7,150,000
37	Máy lọc không khí FunikinAir201	Việt Nam	2010	31/12/2016	7,150,000
38	Máy lọc không khí FunikinAir202	Việt Nam	2010	31/12/2016	7,150,000
39	Máy ly tâm	Việt Nam	2010	31/12/2016	29,200,000
40	Máy ly tâm 8 ống nghiệm	Việt Nam	2009	31/12/2016	22,500,000
41	Máy ly tâm Kubuta	Việt Nam	2004		42,000,000
42	Máy ly tâm lạnh	Việt Nam	2009	31/12/2016	80,580,000
43	Máy ly tâm lạnh	Việt Nam	2009	31/12/2016	80,580,000
44	Máy ly tâm ống nghiệm loại 8 ống	Việt Nam	2009		22,500,000
45	Máy ly tâm ống nghiệm loại 8 ống	Việt Nam	2009		22,500,000
46	Máy rửa dụng cụ bằng sóng siêu âm	REPUBLIC OF)	2008	31/12/2016	27,750,000
47	Máy rửa dụng cụ bằng sóng siêu âm	Việt Nam	2008		27,750,000
48	Máy truyền dịch Barau	Đức (GERMANY)	2006		28,930,150
49	Nồi hấp ướt	Việt Nam	2007	31/12/2016	38,000,000
50	Nồi hấp ướt	Việt Nam	2009		59,050,000
51	Quầy lạnh Sanio	Nhật Bản (JAPAN)	2006	31/12/2016	67,000,000
52	Tủ bảo quản tiểu cầu <=15 túi	Việt Nam	2009	31/12/2016	117,862,530
53	Tủ bảo quản tiểu cầu loại 100 túi	Việt Nam	2009		184,302,485
54	Điều hòa SUMIKURA 12000BTU	Việt Nam	2014	31/12/2016	9,020,000
55	Điều hòa SUMIKURA 12000BTU	Việt Nam	2014	31/12/2016	9,020,000
56	Điều hòa SUMIKURA 24000BTU	Việt Nam	2014	31/12/2016	17,600,000
57	Điều hòa Sumikura 12000	Việt Nam	2014	31/12/2016	8,910,000
58	Điều hòa SUMIKURA 18000BTU	Việt Nam	2014	31/12/2016	13,420,000
59	Điều hòa SUMIKURA 18000BTU	Việt Nam	2014	31/12/2016	13,420,000
60	Điều hòa Sumikura 12000	Việt Nam	2013	31/12/2016	7,200,000
61	Điều hòa Sumikura 12000	Việt Nam	2014	31/12/2016	8,910,000
62	Điều hòa cục bộ 1 chiều 9 000 BTU Carier	Việt Nam	2017	15/11/2017	9,350,000
63	Điều hoà Tosiba	Việt Nam		31/12/2016	0
64	Điều hoà Tosiba	Việt Nam		31/12/2016	0
65	Điều hoà nationan	Việt Nam		31/12/2016	0
66	Điều hoà Tosiba	Việt Nam		31/12/2016	0
67	Điều hoà Deluex	Việt Nam		31/12/2016	0
68	Máy tính	Việt Nam		31/12/2016	0
69	Điều hoà Carirr	Việt Nam		31/12/2016	0
70	Điều hoà Carirr	Việt Nam		31/12/2016	0
71	Điều hoà media	Việt Nam	2007	31/12/2016	0
72	Điều hòa Sumikura 12000 1 chiều	Việt Nam	2013	31/12/2016	7,800,000

73	Điều hòa Sumikura 12000 1 chiều	Việt Nam	2013	31/12/2016	7,800,000
74	Điều hòa Sumikura 12000	Việt Nam	2014	31/12/2016	9,240,000
75	Điều hòa Sumikura 12000	Việt Nam	2014	31/12/2016	9,240,000
76	Điều hòa Sumikura 9000 1 chiều	Việt Nam	2013	31/12/2016	5,800,000
77	Điều hòa Sumikura 9000 1 chiều	Việt Nam	2013	31/12/2016	5,800,000
78	Điều hòa Sumikura 12000	Việt Nam	2013	31/12/2016	7,200,000
79	Điều hòa Sumikura 12000	Việt Nam	2013	31/12/2016	7,200,000
80	Điều hòa Sumikura 12000	Việt Nam	2013	31/12/2016	7,200,000
81	Điều hòa Sumikura 12000	Việt Nam	2013	31/12/2016	7,200,000
82	Điều hòa Sumikura 12000	Việt Nam	2013	31/12/2016	7,200,000
83	Điều hòa Sumikura 12000	Việt Nam	2013	31/12/2016	7,200,000
84	Điều hòa Sumikura 12000 BTU 1 chiều	Việt Nam	2013	31/12/2016	7,800,000
85	Điều hòa Sumikura 12000 BTU 1 chiều	Việt Nam	2013	31/12/2016	7,800,000
86	Điều hòa Sumikura 12000 BTU 1 chiều	Việt Nam	2013	31/12/2016	7,800,000
87	Điều hòa Sumikura 12000 BTU 1 chiều	Việt Nam	2013	31/12/2016	7,800,000
88	Điều hòa Sumikura 12000 BTU 1 chiều	Việt Nam	2013	31/12/2016	7,800,000
89	Điều hòa Sumikura 12000 BTU 1 chiều	Việt Nam	2013	31/12/2016	7,800,000
90	Điều hòa Sumikura 12000 1 chiều	Việt Nam	2013	31/12/2016	7,800,000
91	Điều hòa Sumikura 12000 1 chiều	Việt Nam	2013	31/12/2016	7,800,000
92	Điều hòa Sumikura 12000 1 chiều	Việt Nam	2013	31/12/2016	7,800,000
93	Điều hòa Sumikura 12000 1 chiều	Việt Nam	2013	31/12/2016	7,800,000
94	Điều hòa Sumikura 12000 1 chiều	Việt Nam	2013	31/12/2016	7,800,000
95	Điều hòa cục bộ Carier 9000 BTU	Việt Nam	2017	16/10/2017	9,350,000
	Tổng cộng				**5,721,277,658**

VIỆN HÙYẾT HỌC - TRUYỀN MÁU TW
PHÒNG QUẢN TRỊ

BẢNG KÊ TÁI SẢN CÔNG ĐỀ NGHỊ THANH LÝ NĂM 2026
(Kèm theo thư mời ngày tháng năm 2026)

STT	TÀI SẢN	Đơn vị tính	Số lượng	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Ngày, tháng, năm sử dụng	Nguyên giá tài sản	Ghi chú
1	Tivi Sony led 75 in	Chiếc	1	Việt Nam	2017		85,500,000	TSCĐ
2	Giường BN điều khiển điện	Chiếc	1		2010		44,882,500	TSCĐ
3	Giường BN điều khiển điện	Chiếc	1		2010		44,882,500	TSCĐ
4	Máy photocopy Sharp ARM 420U	Chiếc	1	Việt Nam	2010	2010	115,622,984	TSCĐ
5	Tủ cơm 12 khay	Chiếc	1	Việt Nam	2016	2016	16,500,000	TSCĐ
6	Tivi Led Sam Sung	Chiếc	1	Việt Nam	2019	2019	53,160,000	TSCĐ
7	Tivi LCD 32''	Chiếc	1	Việt Nam	2010	2010	11,254,612	TSCĐ
8	Tivi LCD 32''	Chiếc	1	Việt Nam	2010	2010	11,254,612	TSCĐ
9	Tivi LCD 32''	Chiếc	1	Việt Nam	2010	2010	11,254,612	TSCĐ
10	Tivi LCD 32''	Chiếc	1	Việt Nam	2010	2010	11,254,612	TSCĐ
11	Bàn chia thuốc Inox	Chiếc	3					CCDC
12	Bàn làm việc chân sắt	Chiếc	2					CCDC
13	Buồng khử khuẩn Covid	Chiếc	1					CCDC
14	Cây nước nóng lạnh	Chiếc	7					CCDC
15	Ghế chờ 3 chỗ	Chiếc	8					CCDC
16	Ghế giao ban đen	Chiếc	2					CCDC
17	Ghế hiến máu lưu động	Chiếc	10					CCDC
18	Ghế truyền dịch	Chiếc	7					CCDC
19	Ghế xoay xét nghiệm	Chiếc	25					CCDC
20	Giường gấp	Chiếc	35					CCDC
21	Giường gấp điều trị ban ngày	Chiếc	5					CCDC
22	Kệ sắt 1mx2m	Chiếc	3					CCDC
23	Ống thông hơi nhà bếp (tôn)	Chiếc	1					CCDC
24	Lốp xe ô tô	Chiếc	28					CCDC
25	Quạt đảo trần	Chiếc	4					CCDC
26	Quạt đứng công nghiệp Hatary	Chiếc	1					CCDC
27	Quạt hơi nước	Chiếc	3					CCDC
28	Quạt tản hộp	Chiếc	2					CCDC
29	Quạt treo tườngVinawind	Chiếc	3					CCDC
30	Quạt treo tường công nghiệp Komasu	Chiếc	3					CCDC
31	Thùng Inox	Chiếc	5					CCDC
32	Tủ sắt cá nhân 1 ngăn	Chiếc	1					CCDC
33	Xe đẩy bệnh án	Chiếc	2					CCDC
34	Xe đẩy dụng cụ cấp cứu	Chiếc	1					CCDC
35	Xe đẩy ngồi	Chiếc	5					CCDC
36	Xe đẩy rác 500 lít	Chiếc	3					CCDC
37	Xe tiêm 3 tầng	Chiếc	1					CCDC
38	Nhà vệ sinh di động	Chiếc	2					CCDC

STT	TÀI SẢN	Đơn vị tính	Số lượng	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Ngày, tháng, năm sử dụng	Nguyên giá tài sản	Ghi chú
39	Bàn gấp (0,7x1,4)m	Chiếc	5					CCDC
40	Bàn họp giao ban	Chiếc	4					CCDC
41	Bàn gỗ (0,74x1,5)m	Chiếc	1					CCDC
42	Bàn gỗ giao ban 3,4x1,4m	Chiếc	1					CCDC
43	Bàn làm việc gỗ	Chiếc	5					CCDC
44	Bàn trà	Chiếc	1					CCDC
45	Ghế xoay văn phòng	Chiếc	14					CCDC
46	Hộc bàn gỗ 3 ngăn kéo	Chiếc	6					CCDC
47	Tủ gỗ 2 cánh dưới	Chiếc	2					CCDC
48	Tủ gỗ cá nhân	Chiếc	2					CCDC
49	Kính thủy tinh	Chiếc	12					CCDC
	Tổng cộng						**405,566,432**	